

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 30-12-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 754/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Huệ G, sinh năm 1995; có đơn xin vắng mặt.

Cư trú tại: Ấp X, xã P, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1994; vắng mặt.

Cư trú tại: Ấp S, xã Đ, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Huệ G trình bày:

Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Trảng Bàng. Sau khi cưới, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh T tại Ấp S, xã Đ. Chị làm công nhân, anh T làm tài xế, kinh tế độc lập với gia đình. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống,

tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, thường xuyên gây gổ nhau; anh T thường chơi cờ bạc, không quan tâm vợ con, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, nặng nề, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt. Từ tháng 9-2020, chị đã về sống tại nhà mẹ ruột, vợ chồng đã tự ly thân đến nay. Từ ngày ly thân, anh T cũng không đặt vấn đề đoàn tụ cùng với chị. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Phan Kiều Ánh D, sinh ngày 22-8-2016, hiện đang sống cùng với chị. Cháu D rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Phan Văn T đến Tòa án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh T đều vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Huệ G đối với anh Phan Văn T. Chị G được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao chị G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Kiều Ánh D, sinh ngày 22-8-2016. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Huệ G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị G và anh T chung sống với nhau năm 2015, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Trảng Bàng. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị G trình bày là do tính tình của vợ chồng chị G, anh T không còn phù hợp với nhau, anh T thường xuyên tham gia chơi cờ bạc, không quan tâm, lo lắng cho vợ con nên vợ chồng gây gổ nhau và đã tự ly thân từ tháng 9-2020 đến nay, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể hàn gắn được. Nay chị G yêu cầu được ly hôn anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn cùng chị G. Kết quả xác minh tại địa phương và mẹ ruột của anh T thể hiện vợ chồng chị G, anh T phát sinh mâu thuẫn là do anh T có chơi cờ bạc và anh T làm tài xế, thường xuyên vắng nhà nên chị G ghen tuông, vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau, chị G đã về nhà mẹ ruột sống từ tháng 9-2020 đến nay. Như vậy, cho thấy đời sống hôn nhân của chị G, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị G và anh T đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh T, cho chị G được ly hôn anh T là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Cháu Phan Kiều Ánh D, sinh ngày 22-8-2016 hiện đang theo sống cùng chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D. Xét thấy, từ khi chị G và anh T ly thân, chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, cháu phát triển rất tốt về thể chất lẫn tinh thần. Bên cạnh đó, cháu D là nữ, hiện tại vẫn còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Huệ G đối với anh Phan Văn T.

Chị Trần Huệ G được ly hôn anh Phan Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Phan Kiều Ánh D, sinh ngày 22-8-2016 cho chị Trần Huệ G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Huệ G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015002 ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị G, anh T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư